

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HS-ST
Ngày 11 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Thiện

Ông Nguyễn Văn Sâm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2024,

Đối với bị cáo: **Lê Đăng C**, sinh ngày 10/10/1996 tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đăng D và bà Hoàng Thị H; Có vợ là Lê Thị T và 01 con.

Nhân thân: Ngày 28/02/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “đánh bạc”, đã chấp hành xong hình phạt. Phần án phí đã chấp hành xong vào ngày 12/8/2021.

Tiền án:

- Ngày 14/3/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 48 tháng tù về tội “cướp tài sản”; chấp hành xong án phạt tù ngày 30/4/2020. Phần án phí và bồi thường dân sự đã chấp hành xong vào ngày 06/6/2018;

- Ngày 13/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 36 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong án phạt tù ngày 28/6/2023. Phần án phí đã chấp hành xong vào ngày 12/8/2021.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 29/10/2023, chuyển tạm giam từ ngày 07/11/2023 đến nay; Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Phạm Văn H1, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Hoàng Thị V, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

3. Lê Thị Kim O, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

4. Trịnh Thị Ngọc A, sinh năm 2003, địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

5. Trịnh Trung T1, sinh năm 1996, địa chỉ: Khu A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

6. Trình Văn C1, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn F, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

7. Nguyễn Đình T2, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

8. Lê Đăng D, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 29/10/2023, tổ công tác Đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an huyện T phối hợp Công an thị trấn S tiến hành điều tra cơ bản người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy tại địa bàn thị trấn S, huyện T thì phát hiện Trịnh Trung T1 (sinh năm 1996, trú tại: Khu phố A, thị trấn S, huyện T) dương tính với chất ma túy, loại: MDMA (thuốc lắc), K và M. T1 khai báo bản thân là người sử dụng chất ma túy, vào đêm ngày 28/10/2023 T1 mua 01 viên thuốc lắc, nửa chỉ Ketamine và 07 viên hồng phiến của Lê Đăng C với giá 3.500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T1 đã sử dụng một phần, phần còn đang cất giấu tại chỗ ở.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trịnh Trung T1 tại: Khu phố A, thị trấn S, huyện T, Cơ quan điều tra thu giữ tại đầu giường ngủ của Trịnh Trung T1: 01 túi nilon màu trắng, viên đỏ bên trong có bám dính chất bột màu hồng và màu xám, trong túi còn chứa 01 túi nilon màu trắng, viên xanh bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu M); 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen, lắp sim số thuê bao 0988.814.556 của Trịnh Trung T1.

Tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Lê Đăng C tại: Thôn H, xã T, huyện T, Cơ quan điều tra thu giữ trên người Lê Đăng C: 02 điện thoại di động (bao gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6 lắp sim số thuê bao 0359.324.096 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS lắp sim số thuê bao 0397.649.567); số tiền 125.000 đồng; thu giữ tại chỗ ở của Lê Đăng C: 01 khẩu trang màu trắng được cuộn tròn bên trong có một túi nilon màu trắng chứa 02 viên nén màu nâu và các mảnh chất nén màu nâu (được niêm phong trong phong bì niêm phong ký hiệu M1); 02 thẻ ATM Ngân hàng M1 và A2 đều mang tên Lê Đăng C; 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS Biển kiểm soát: 36D1-482.44; 01 đầu thu camera an ninh nhãn hiệu DAHUA. Cơ quan điều tra còn tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Đăng C tại thôn D, xã X, huyện T nhưng không phát hiện thu giữ gì thêm.

Sau khi khám xét khẩn cấp, Lê Đăng C đã xin đầu thú, khai rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bản thân.

Ngày 30/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh T giám định chất ma túy. Tại kết luận giám định số: 4041/KL-KTHS ngày 06/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận:

- Chất bột màu hồng và màu xám bám dính bên trong 01 túi nilon màu trắng viền đỏ của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, Ketamine, MDMA. Không xác định được khối lượng chất ma túy bám dính.

- Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nilon màu trắng viền xanh của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,043g, loại Ketamine.

- 02 viên nén hình lựu đạn màu nâu và các mảnh chất nén màu nâu của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 1,045g, loại MDMA.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Đăng C khai nhận: Lê Đăng C có mối quan hệ quen biết với Lê Anh H2 (sinh năm 2004 trú tại: thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) và Đỗ Quốc A1 (sinh năm 1999 ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa). Vào ngày 19/10/2023, C dùng tài khoản Facebook cá nhân Lê Đăng C gọi vào tài khoản Facebook cá nhân Lê Anh H2 với mục đích hỏi mua nửa chỉ Ketamine. H2 đồng ý bán với giá 2.000.000 đồng và hẹn giao ma túy cho C bằng tiền mặt tại đoạn đường giữa cánh đồng ở xã T, huyện T. Sau khi mua được ma túy, C sử dụng một phần, phần còn lại bán cho Trịnh Trung T1 để lấy 2.000.000 đồng. Tiếp đó, khoảng 14 giờ ngày 27/10/2023, C sử dụng tài khoản Facebook gọi điện vào tài khoản Facebook của H2 để hỏi mua 02 chỉ Ketamine với giá 2.000.000đ/một chỉ, 10 viên thuốc lắc với giá 300.000đ/viên và 10 viên hồng phiến với giá 70.000đ/một viên, tổng là 7.700.000 đồng. C nói với H2 nợ lại tiền mua ma túy, thì H2 nói C phải gọi điện cho Đỗ Quốc A1 đồng ý thì H2 mới cho C nợ tiền. C gọi vào số 0368.363.336 của Quốc A1 xin nợ lại một phần tiền, thì Quốc A1 đồng ý. C sau đó dùng tài khoản 0397649567 Ngân hàng MB Lê Đăng C chuyển khoản trước số tiền 2.700.000 đồng vào tài khoản 0368363336 Ngân hàng MB của Đỗ Quốc A1 và

liên hệ với H2 qua Facebook, H2 hẹn C đến đoạn đường xã T, huyện T nhận ma túy. Khi C đi xe máy đến đoạn đường giữa cánh đồng thuộc địa phận xã T, huyện T thì gặp H2 đi xe máy ngược chiều đến. Tại đây, H2 đưa cho C một vỏ bao thuốc lá Thăng Long bên trong có túi nilon chứa ma túy. C lấy gói ma túy, ném vỏ bao thuốc lá Thăng L đi. Mua được ma túy, C đã bán lại cho Trịnh Trung T1, Nguyễn Đình T2, Trình Văn C1 và chuyển khoản trả số tiền 5.000.000 đồng là tiền nợ mua ma túy cho Đỗ Quốc A1. Tổng số lần Lê Đăng C bán ma túy, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: khoảng 21 giờ ngày 21/10/2023, Trịnh Trung T1 sử dụng số điện thoại 0988.814.556 gọi vào số điện thoại 0359.324.096 của Lê Đăng C để hỏi mua nửa chỉ Ketamine. C đồng ý, cho biết giá nửa chỉ Ketamine là 2.000.000 đồng và hẹn mua bán tại khu vực đường nhựa Quốc lộ D thuộc địa phận xã T, huyện T. T1 sử dụng tài khoản 668615101996 Ngân hàng MB của T1 chuyển khoản trước số tiền mua ma túy 1.800.000 đồng vào tài khoản 0397649567 Ngân hàng MB của Lê Đăng C. Sau khi nhận được tiền, C điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS Biển kiểm soát: 36D1- 482.44 đến địa điểm bán ma túy cho T1. Tại đây, T1 trả nốt 200.000 đồng cho C và nhận một túi nilon chứa ma túy loại Ketamine. Số ma túy này, T1 đã sử dụng hết.

Lần thứ hai: khoảng gần 22 giờ ngày 27/10/2023, Nguyễn Đình T2 sử dụng số điện thoại 0965.403.654 gọi điện vào số điện thoại 0359.324.096 của Lê Đăng C để hỏi mua 05 viên thuốc lắc, khi gọi điện thoại thì T2 xưng tên là B mà không cho biết tên thật. C đồng ý bán và nói giá 400.000đ/ một viên thuốc lắc, tổng tiền mua ma túy là 2.000.000 đồng. Để tránh bị phát hiện, C liên lạc hỏi Lê Anh H2 số tài khoản để cho T2 chuyển tiền vào số tài khoản của H2, rồi bảo H2 chuyển lại tiền cho C. H2 nhắn tin số tài khoản 9023141444 Ngân hàng V1 tên TRINH THI NGOC ANH cho C, sau đó C nhắn tin số tài khoản này cho T2. Do T2 không có tài khoản Ngân hàng, nên T2 đi ra quán tạp hoá của gia đình anh Phạm Văn H1 (sinh năm 1991, thường trú tại thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) nhờ anh H1 sử dụng tài khoản 0965868699 Ngân hàng MB Phạm Văn H1 chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản TRINH THI NGOC ANH, sau đó H2 chuyển tiền lại vào số tài khoản của C. Nhận được tiền, C hẹn và bán ma túy cho T2 ở đoạn đường nhựa Quốc lộ D gần cổng làng N, xã T, huyện T. Sau khi mua được ma túy, T2 đã sử dụng hết.

Lần thứ ba: khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/10/2023, Trịnh Trung T1 hỏi C mua nửa chỉ Ketamine và 01 viên thuốc lắc, C đồng ý bán và cho biết giá 2.000.000đ/nửa chỉ Ketamine, 500.000đ/01 viên thuốc lắc và hẹn T1 đến địa điểm như lần đầu để mua bán ma túy. Sau đó T1 tiếp tục liên lạc hỏi mua thêm 1.000.000 đồng tiền hồng phien, sẵn có 07 viên hồng phien nên C đồng ý bán. T1 hỏi C số tài khoản để chuyển tiền. Để tránh bị phát hiện, C liên lạc với Lê Anh H2, để hỏi mượn số tài khoản nhận tiền bán ma túy. H2 cho C số tài khoản 03872045001 Ngân hàng T4 thì C nhắn tin số tài khoản này cho T1. T1 chuyển vào số tài khoản này số tiền 2.500.000 đồng, rồi gọi cho C bảo còn 1.000.000 đồng để đưa tiền mặt. C đồng ý, sau đó bảo T1 đi đến địa điểm mua bán như đã hẹn. Tại đây, C đưa cho T1 một túi nilon màu trắng, viên đỏ bên trong có chứa 07 viên hồng phien, 01 viên thuốc lắc và nửa chỉ Ketamine. Sau khi mua được ma túy, T1

đã sử dụng hết hồng phiến, thuốc lắc và một phần Ketamine, số ma túy loại Ketamine còn lại cất giấu tại chỗ ở, đã bị Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét khẩn cấp.

Lần thứ tư: khoảng 00h ngày 28/10/2023, Trình Văn C1 sử dụng tài khoản Zalo Quốc C2 (Cả xưng tên là C2 mà không xưng tên thật) liên lạc vào tài khoản Zalo Lê Đăng C để hỏi mua nửa chỉ Ketamine và 02 viên thuốc lắc. Lê Đăng C đồng ý bán với giá 2.000.000đ/nửa chỉ Ketamine, 400.000đ/01 viên thuốc lắc, tổng là 2.800.000 đồng. Trình Văn C1 dùng tài khoản 66666199156789 Ngân hàng MB của bản thân chuyển số tiền mua ma túy vào tài khoản 0397649567 Ngân hàng MB của Lê Đăng C. Lê Đăng C gặp, bán ma túy cho Trình Văn C1 tại đoạn đường nhựa liên thôn N, xã T, huyện T. Sau khi mua được ma túy, Trình Văn C1 đã sử dụng hết.

Lê Đăng C mua bán chất ma túy, còn lại 02 viên thuốc lắc cất giấu tại chỗ ở đã bị Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét khẩn cấp; số tiền bán ma túy C đã trả tiền mua ma túy, chi tiêu cá nhân, còn lại 125.000 đồng đã bị Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét khẩn cấp.

Lê Anh H2, Đỗ Quốc A1 không thừa nhận việc bán ma túy cho Lê Đăng C, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng không đủ căn cứ để xử lý đối với Lê Anh H2 và Đỗ Quốc A1 về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Việc Lê Đăng C cất giấu ma túy tại thôn H, xã T, huyện T; sử dụng xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS Biển kiểm soát: 36D1-482.44, chủ sở hữu là bà Hoàng Thị V (là mẹ kế của C) để đi mua, bán ma túy, thì gia đình của C không biết. Anh Phạm Văn H1 chuyển tiền cho Nguyễn Đình T2 để mua ma túy của Lê Đăng C, anh H1 không biết đây là tiền T2 mua ma túy. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý những người này.

Đối với tài khoản mang tên TO KIM THANH, H2 khai báo không cung cấp số tài khoản này cho Lê Đăng C. Tiến hành xác minh tài khoản 03872045001 Ngân hàng T4 có chủ tài khoản TO KIM THANH, xác định người đăng ký tài khoản này là Tô Kim T3 (sinh năm 1984 thường trú tại F D, phường Đ, Quận H, thành phố Hà Nội). Tuy nhiên, Tô Kim T3 không có mặt tại gia đình, địa phương, không rõ ở đâu, làm gì.

Đối với tài khoản Ngân hàng V1 số 9023141444 mang tên TRINH THI NGOC ANH, tài khoản này Lê Anh H2 nhờ Trịnh Thị Ngọc A (sinh năm 2003 thường trú tại: tổ dân phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) đăng ký để H2 sử dụng. Trịnh Thị Ngọc A khai nhận vào cuối năm 2021 có cho H2 mượn căn cước công dân để mở số tài khoản này, từ đó đến nay H2 quản lý, sử dụng. Vào ngày 27/10/2023, Lê Đăng C đã nhờ tài khoản này của Lê Anh H2 để nhận và chuyển khoản tiền mua bán ma túy của Nguyễn Đình T2, tuy nhiên H2 không biết là tiền mua bán ma túy nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS Biển kiểm soát: 36D1-482.44 và 01 đầu thu camera an ninh nhãn hiệu DAHUA, xác định không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định.

Đối với hành vi của Trịnh Trung T1 mua ma túy mục đích sử dụng, số ma túy thu giữ được là 0,043g, loại Ketamine nên hành vi chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Đăng C và Trịnh Trung T1, đã bị Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Vật chứng vụ án:

+ Toàn bộ bao gói mở niêm phong và 0,028g chất tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M; 0,907g chất bột màu nâu của phong bì niêm phong ký hiệu M1. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu vàng, lắp sim số thuê bao 0359.324.096 (thu của Lê Đăng C).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS, vỏ màu đen, lắp sim số thuê bao 0397.649.567 (thu của Lê Đăng C).

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng MB mang tên Lê Đăng C.

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng A2 mang tên Lê Đăng C.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen, lắp sim số thuê bao 0988.814.556 (thu của Trịnh Trung T1).

+ Số tiền 125.000 đồng, tiền Ngân hàng N (thu của Lê Đăng C).

Hiện đang được quản lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSTX ngày 22/3/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố: Bị cáo Lê Đăng C về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Đăng C thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo không có ý kiến gì về Kết luận giám định.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đăng C phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự;

Về hình phạt: Áp dụng điểm b, q khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đăng C từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Lê Đăng C 10.300.000 đồng, nhưng được khấu trừ đi số tiền 125.000 đồng thu giữ của bị cáo C. Số tiền còn lại cần truy thu là 10.175.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

+ Tịch thu, tiêu hủy đối với: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành; 01 thẻ ATM Ngân hàng MB mang tên Lê Đăng C và 01 thẻ ATM Ngân hàng A2 mang tên Lê Đăng C.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 03 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen, lắp sim số thuê bao 0988.814.556 (thu của Trịnh Trung T1); 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu vàng, lắp sim số thuê bao 0359.324.096 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS, vỏ màu đen, lắp sim số thuê bao 0397.649.567 (thu của Lê Đăng C).

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt và được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Đăng C tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, Biên bản khám xét, Dữ liệu điện tử, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Ngày 29/10/2023 tại thôn H, xã T, huyện T, Lê Đăng C đã có hành vi tàng trữ 1,045g ma túy, loại MDMA nhằm mục đích bán kiếm lời. Ngoài ra, trước đó Lê Đăng C đã 02 lần bán ma túy cho Trịnh Trung T1 tại khu vực đường nhựa Quốc lộ D thuộc địa phận xã T, huyện T vào ngày 21/10/2023 lấy số tiền 2.000.000 đồng, ngày 28/10/2023 lấy số tiền 3.500.000 đồng, sau khi mua được ma túy thì T1 đã sử dụng một phần, số ma túy còn lại bị thu giữ có khối lượng 0,043g, loại Ketamine; bán 01 lần cho Nguyễn Đình T2 tại Quốc lộ D thuộc địa phận xã T, huyện T lấy số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 27/10/2023; bán 01 lần cho Trình Văn C1 tại thôn N, xã T, huyện T lấy số tiền 2.800.000 đồng vào ngày 28/10/2023, số ma túy này, T2 và C1 đã sử dụng hết.

Bị cáo Lê Đăng C có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội là do cố ý; bán trái phép chất ma túy cho nhiều người và lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Đăng C đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng; Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo đã từng bị kết án phạt tù về tội phạm ma túy, nên cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện, có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội; bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng đã bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo, bắt cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Lê Đăng C đã 03 lần bị Tòa án kết án, mặc dù bị cáo đều đã chấp hành xong hình phạt. Tuy nhiên có 02 lần bị kết án về tội “cướp tài sản” và tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” là chưa được xóa án tích, nên bị cáo phải chịu 02 tiền án.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Đăng C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Đăng C được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo đã ra đầu thú, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Cần thiết phải xử phạt bị cáo Lê Đăng C bằng hình phạt tù, với mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đảm bảo được tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Đối với thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt cho bị cáo. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập; hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về áp dụng biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 10.300.000 đồng bị cáo Lê Đăng C thu lợi bất chính do bán trái phép chất ma túy cho Trịnh Trung T1, Nguyễn Đình T2 và Trình Văn C1 mà có, cần truy thu để sung vào ngân sách nhà nước, tuy nhiên xét trong quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo C số tiền 125.000 đồng, nên cần khấu trừ vào số tiền truy thu. Như vậy, số tiền còn lại cần phải truy thu từ bị cáo C là 10.175.000 đồng.

[10] Về vật chứng vụ án:

- Đối với toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành, đây là vật cấm lưu hành, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với: 01 thẻ ATM Ngân hàng MB mang tên Lê Đăng C và 01 thẻ ATM Ngân hàng A2 mang tên Lê Đăng C. Xét bị cáo đã sử dụng liên quan đến tội phạm, hiện không còn giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 03 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu vàng, lắp sim số thuê bao 0359.324.096 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS, vỏ màu đen, lắp sim số thuê bao 0397.649.567 (thu của Lê Đăng C); 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen, lắp sim số thuê bao 0988.814.556 (thu của Trịnh Trung T1). Xác định đây là công cụ, phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 125.000 đồng (thu giữ của bị cáo C), đây là số tiền còn lại trong tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính do bán trái phép chất ma túy mà có, nên cần được khấu trừ vào số tiền truy thu của bị cáo, như đã phân tích ở phần áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo.

[11] Về tình tiết liên quan vụ án:

- Quá trình điều tra, Lê Anh H2, Đỗ Quốc A1 không thừa nhận việc bán ma túy cho Lê Đăng C, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng không đủ căn cứ để xử lý đối với Lê Anh H2 và Đỗ Quốc A1 về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Việc Lê Đăng C cất giấu ma túy tại thôn H, xã T, huyện T; sử dụng xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS Biển kiểm soát: 36D1-482.44, chủ sở hữu là bà Hoàng Thị V (là mẹ kế của C) để đi mua, bán ma túy, thì gia đình của C không biết. Anh Phạm Văn H1 chuyển tiền cho Nguyễn Đình T2 để mua ma túy của Lê Đăng C, anh H1 không biết đây là tiền T2 mua ma túy. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý.

- Đối với tài khoản mang tên TO KIM THANH, H2 khai báo không cung cấp số tài khoản này cho Lê Đăng C. Tiến hành xác minh tài khoản 03872045001 Ngân hàng T4 có chủ tài khoản TO KIM THANH, xác định người đăng ký tài khoản này là Tô Kim T3 (sinh năm 1984 thường trú tại F D, phường Đ, Quận H, thành phố Hà Nội). Tuy nhiên, Tô Kim T3 không có mặt tại gia đình, địa phương, không rõ ở đâu, làm gì, nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với tài khoản Ngân hàng V1 số 9023141444 mang tên TRINH THI NGOC ANH, tài khoản này Lê Anh H2 nhờ Trịnh Thị Ngọc A (sinh năm 2003 thường trú tại: tổ dân phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) đăng ký để H2 sử dụng. Trịnh Thị Ngọc A khai nhận vào cuối năm 2021 có cho H2 mượn căn cước công dân để mở số tài khoản này, từ đó đến nay H2 quản lý, sử dụng. Vào ngày 27/10/2023, Lê Đăng C đã nhờ tài khoản này của Lê Anh H2 để nhận và chuyển khoản tiền mua bán ma túy của Nguyễn Đình T2, tuy nhiên H2 không biết là tiền mua bán ma túy, nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS Biển kiểm soát: 36D1-482.44 và 01 đầu thu camera an ninh nhãn hiệu DAHUA, xác định không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định.

- Đối với hành vi của Trịnh Trung T1 mua ma túy mục đích sử dụng, số ma túy thu giữ được là 0,043g, loại Ketamine nên hành vi chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Đăng C và Trịnh Trung T1, đã bị Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

[12] Về án phí: Bị cáo Lê Đăng C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, q khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; **khoản 1 Điều 293**; khoản 1 Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Đăng C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”,
Xử phạt bị cáo Lê Đăng C 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/10/2023.

2. Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Lê Đăng C 10.300.000 đồng, nhưng được khấu trừ đi số tiền 125.000 đồng thu giữ của bị cáo C, hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, theo Biên bản giao nhận vật chứng số 54 ngày 02/4/2024. Như vậy, số tiền còn lại cần truy thu từ bị cáo Lê Đăng C là 10.175.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành; 01 thẻ ATM Ngân hàng MB mang tên Lê Đăng C và 01 thẻ ATM Ngân hàng A2 mang tên Lê Đăng C.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 03 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen, lắp sim số thuê bao

0988.814.556; 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu vàng, lắp sim số thuê bao 0359.324.096 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS, vỏ màu đen, lắp sim số thuê bao 0397.649.567.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, hiện trạng theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 54 ngày 02/4/2024.

4. Về án phí: Bị cáo Lê Đăng C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tiến